

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DSTC-ST  
Ngày 20 tháng 3 năm 2023.  
V/v: "T/C hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hùng Cường  
2. Bà Khuất Thị Thanh

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mông Thu Hường - Thư ký viên  
Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Ông Giàng Chấn Sò - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST - DSTC ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐST-DSTC ngày 14/2/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DSTC ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: SN 236, tổ 05, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: SN 01, đường T, tổ 01, phường T, TP. H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Diệu H; địa chỉ: SN 05 A, tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2022, bản tự khai ngày 26/10/2022 và quá trình giải quyết nguyên đơn bà T trình bày:

Bà và chị Nguyễn Diệu H quen biết nhau thông qua người bạn thân, nên vào năm 2013 chị H đã hỏi bà vay tiền để làm ăn. Đến ngày 15/6/2013 bà đã cho chị H vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu). Việc vay tiền được chị H tự

viết “Giấy vay tiền” để xác nhận số nợ và cam kết sẽ trả tiền lãi suất cho bà theo thỏa thuận. Theo nội dung của giấy vay tiền, khi bà cho chị H vay tiền là loại vay có lãi, nhưng hai bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể và không có ngày trả nợ. Sau đó, chị H đã trả tiền cho bà 04 lần, cụ thể: Lần 1 năm 2018 chị H trả cho bà số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); Lần 2 ngày 5/6/2019 chị H chuyển khoản trả cho bà 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); Lần 3 ngày 20/01/2020 chuyển khoản trả 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*); Lần 4 chuyển khoản 14/6/2021 trả 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Như vậy, trong 04 lần chị H đã trả cho bà được số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*). Từ đó tới nay chị H không trả thêm cho bà lần nào nữa mặc dù bà đã đòi nhiều lần, chị H còn có biểu hiện trốn tránh trách nhiệm, chặn điện thoại, zalo của bà và không hợp tác giải quyết trả tiền cho bà. Do vậy, bà khởi kiện chị H đề nghị Tòa án, giải quyết buộc chị H phải trả cho bà toàn bộ số nợ gốc còn lại là 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*), không yêu cầu chị H phải trả lãi suất của số nêu nêu trên.

- Bị đơn, chị H: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng chị H không đến Tòa án giải quyết vụ việc. Do vậy, không có lời khai và ý kiến của bị đơn về việc giải quyết án.

Tòa án không thực hiện được việc hòa giải do bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị H phải trả số tiền 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*) gốc, không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ nêu trên.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; xác định tư cách tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn (Điều 68, 71, 72 BLTTDS); thu thập, xác minh chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn theo quy định tại điều 220 BLTTDS, việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g Điều 40, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 357, 463, 465, 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Nguyễn Diệu H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc còn chưa thanh toán là 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*).

- Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bà T không phải chịu án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Thủy.

## XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Diệu H; địa chỉ: Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T cho chị Nguyễn Diệu H vay số tiền 250.000.000đ để làm ăn. Như vậy, xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; Do vậy, căn cứ các Điều 280, 357, 463, 465, 466, Điều 469 Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án.

[4]. Về nội dung: Quá trình giải quyết bà T đã xuất trình chứng cứ xác nhận việc chị H có vay của bà số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu*) là “Giấy vay tiền” vào ngày 15/6/2013. Theo nội dung của “Giấy vay tiền” đã xác định việc chị H có vay của bà T số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu*), loại vay có lãi và không xác định thời hạn trả nợ. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chị Hoài có vay tiền của bà T số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu*) từ ngày 15/6/2013 là có thật, do chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện là có căn cứ.

[5]. Trong quá trình giải quyết, bà T khai, từ năm 2018 đến năm 2021 chị H đã trả nợ cho bà 04 lần, cụ thể: Lần 1 năm 2018 (không nhớ ngày, tháng) chị H trả cho bà số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); lần 2 ngày 05/6/2019 chị H chuyển khoản trả cho bà 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); lần 3 ngày 20/01/2020 chuyển khoản trả 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*); lần 4 chuyển khoản 14/6/2021 trả 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Như vậy, tổng số tiền 04 lần chị Hoài đã trả cho được số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*).

[6]. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T xác nhận số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*) chị Hoài đã trả được trừ vào số nợ gốc. Như vậy, hiện tại chị Hoài còn nợ của bà T số tiền:  $250.000.000đ - 24.000.000đ = 226.000.000đ$  bà T đề nghị chị H phải trả toàn bộ số tiền chưa thanh toán là 226.000.000đ.

[7]. Xét thấy yêu cầu của bà T về việc buộc chị H phải trả tiền gốc còn lại chưa trả 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*) là phù hợp. Bởi lẽ, quá trình giải quyết bà T khai chị H đã trả tiền cho bà 04 lần tổng số tiền trả là 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*), bà T tự xác nhận số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng*) chị H trả được trừ vào số tiền gốc. Như vậy, hiện nay bà T xác nhận chị H còn nợ của bà số tiền 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*) là có căn cứ chấp nhận. Do bà T không yêu cầu chị H phải trả lãi suất của số tiền gốc còn lại nên HĐXX không giải quyết.

[8]. Từ những phân tích trên tại các mục [4], [5],[6],[7], Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc chị Nguyễn Diệu H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn*)

[9]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là:  $226.000.000đ \times 5\% = 11.300.000đ$  (*Mười một triệu ba trăm nghìn đồng*). Bà T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 465, 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1.3, 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Xử: Buộc chị Nguyễn Diệu H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 226.000.000đ, (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật (đối với trường hợp cơ quan THA có quyền chủ động ra quyết định THA) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được THA (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3 Án phí: Buộc chị Nguyễn Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.300.000đ (*Mười một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 5.650.000đ (*Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, Biên lai thu số 0000770 ngày 10/10/2022.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- CC THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Bình**